TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Hiền;

2. Bà Lê Thị Hương;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2025, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2002; nơi cư trú: TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện nay: thị trấn C, xã H, thành phố Cần Thơ, (vắng mặt);

Bị đơn: Anh Vũ Thanh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: TDP N, xã V, tỉnh Phú Thọ; hiện nay đang chấp hành án tại đội 23, phân trại số C, Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N trình bày:

Chị và anh Vũ Thanh T đăng ký kết hôn ngày 06/01/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ), việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy, chơi bời không quan tâm vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh T thay đổi bản thân để chăm lo cho gia đình nhưng không được. Tháng 10 năm 2021 anh T bị bắt và đang chấp hành án tại trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở thị trấn C, xã P, thành phố Cần Thơ sinh sống từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020, hiện nay đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu A và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết;

Bị đơn anh Vũ Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2025 anh trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm như chị N trình bày là đúng. Tháng 10/2021 anh bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị xử 09 năm tù, hiện nay đang chấp hành án tại đội 23, phân trại số C, Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm với chị N anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Trâm A và chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung anh đồng ý.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết;

Biên bản xác minh ngày 13/8/2025 tại UBND xã V thể hiện: Chị N và anh T đăng ký kết hôn ngày 06/01/2021 tại UBND xã V trên cơ sở tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm anh chị sống ly thân như thế nào địa phương không rõ. Chị N, anh T khai sinh cho 01 con chung là Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của anh chị địa phương không rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ trình phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N. Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Vũ Thanh T. Đề nghị giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020 đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Thanh T. Bị đơn anh T cư trú tại tổ dân phố N, xã V, tỉnh Phú Thọ (hiện nay anh T đang chấp hành án tại đội 23, phân trại số C, Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ) nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Vũ Thanh T là hôn nhân hợp pháp, được UBND thị trấn V đăng ký kết hôn 06/01/2021. Chị N và anh T đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy, chơi bời không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến tháng 10 năm 2021 anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại trại giam V, chị N về nhà mẹ đẻ tại thị trấn C, xã P, thành phố Cần Thơ sinh sống không quan tâm gì đến nhau. Chị N và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị N xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị N. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Xét đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020 của chị N là có căn cứ vì hiện nay cháu A đang ở cùng chị N, anh T nhất trí để chị N nuôi dưỡng cháu A vì anh T đang chấp hành án nên không có khả năng nuôi dưỡng cháu A. Do vậy, giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Vũ Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/7/2020 cho đến khi thành niên. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị N. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Sau khi ly hôn anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N tự nguyện nộp 150.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000524 ngày 17/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ. Trả cho chị N 150.000 đồng.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tường;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền